

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2022 ĐẾN 30/06/2022



Tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Hà Thị Hải Vân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên
Ông Vũ Văn Toàn	Thành viên
Bà Lưu Thị Thu Thùy	Thành viên
Ông Trần Duy Cường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Dương Hải	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Bà Hà Thị An	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 18/03/2022)
Bà Đào Thị Thu Hương	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 18/03/2022)
Bà Lê Thị Nga	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/03/2022)
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/03/2022)
Bà Phan Thị Diệu Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/03/2022)
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/03/2022)

Kế toán trưởng

Bà Cao Thị Hải Yến	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)
Bà Trần Thị Hồng Khang	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 29/04/2022)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2022 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng: sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Hà Thị Hải Vân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hưng Yên, ngày 05 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05/08/2022, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo này vào ngày 10/08/2021. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty cũng được Công ty kiểm toán này thực hiện kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo đó vào ngày 21/02/2022.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30/06/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		600.733.158.592	518.900.611.267
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	171.549.161	8.614.078.932
Tiền	111		171.549.161	4.196.314.014
Các khoản tương đương tiền	112		-	4.417.764.918
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		254.597.277.749	209.205.525.815
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	196.713.257.543	175.023.834.795
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	57.471.191.601	28.595.790.691
Các khoản phải thu khác	136	8	6.448.756.559	11.425.487.004
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6,7,9	(6.035.927.954)	(5.839.586.675)
Hàng tồn kho	140	11	341.946.704.457	299.039.607.158
Hàng tồn kho	141		358.768.811.051	299.039.607.158
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.822.106.594)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.017.627.225	2.041.399.362
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		331.593.252	144.158.603
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.629.067.308	1.840.274.094
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	56.966.665	56.966.665
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175.100.428.146	176.459.580.295
Tài sản cố định	220		60.441.914.437	63.727.436.271
Tài sản cố định hữu hình	221	12	50.951.992.196	61.702.179.686
- Nguyên giá	222		117.333.238.973	130.764.633.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.381.246.777)	(69.062.453.559)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	9.489.922.241	2.025.256.585
- Nguyên giá	225		13.055.165.168	4.860.615.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.565.242.927)	(2.835.359.240)
Bất động sản đầu tư	230	14	56.654.844.987	56.654.844.987
- Nguyên giá	231		56.654.844.987	56.654.844.987
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.496.289.162	2.451.109.086
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.496.289.162	2.451.109.086
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	53.003.533.569	53.003.533.569
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		53.003.533.569	53.003.533.569
Tài sản dài hạn khác	260		503.845.991	622.656.382
Chi phí trả trước dài hạn	261		503.845.991	622.656.382
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		775.833.586.738	695.360.191.562

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		408.933.462.386	334.633.825.934
Nợ ngắn hạn	310	15	405.427.212.386	334.015.075.934
Phải trả người bán ngắn hạn	311		140.550.349.144	107.056.544.423
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.618.328.330	431.788.960
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	16.836.904.390	13.825.737.014
Phải trả người lao động	314		403.575.125	251.960.003
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		368.026.752	255.388.716
Phải trả ngắn hạn khác	319		70.211.000	32.480.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	245.340.204.795	211.921.563.968
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239.612.850	239.612.850
Nợ dài hạn	330		3.506.250.000	618.750.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	3.506.250.000	618.750.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		366.900.124.352	360.726.365.628
Vốn chủ sở hữu	410	18	366.900.124.352	360.726.365.628
Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.499.680.000	280.499.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.499.680.000	280.499.680.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		556.025.698	556.025.698
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.844.418.654	79.670.659.930
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		79.670.659.930	18.107.451.055
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.173.758.724	61.563.208.875
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		775.833.586.738	695.360.191.562

Hưng Yên, ngày 05 tháng 08 năm 2022

Đoàn Thị Bình
Người lập biểu

Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng



Hà Thị Hải Vân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	512.747.090.234	590.116.300.657
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	187.866.480
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		512.747.090.234	589.928.434.177
Giá vốn hàng bán	11	21	489.531.590.368	559.671.486.697
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.215.499.866	30.256.947.480
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	50.056.909	77.389.544
Chi phí tài chính	22	23	10.623.425.932	9.145.079.901
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	23	10.516.986.290	8.710.173.604
Chi phí bán hàng	25	24	941.682.419	893.985.189
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	2.647.654.687	3.757.880.931
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.052.793.737	16.537.391.003
Thu nhập khác	31		4.684.239	10.589.856
Chi phí khác	32		332.345.606	437.818.641
Lợi nhuận khác	40		(327.661.367)	(427.228.785)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.725.132.370	16.110.162.218
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.485.373.646	3.304.762.712
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.239.758.724	12.805.399.506
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	222	469

Hưng Yên, ngày 05 tháng 08 năm 2022

Đoàn Thị Bình
Người lập biểu

Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng



Hà Thị Hải Vân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		8.725.132.370	16.110.162.218
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.704.932.371	4.942.458.396
Các khoản dự phòng	03		17.018.447.873	506.798.029
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	434.906.297
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(50.056.909)	104.568.211
Chi phí lãi vay	06		10.516.986.290	8.710.173.604
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		40.915.441.995	30.809.066.755
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(47.326.829.518)	(104.565.354.551)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(59.729.203.893)	(24.977.429.756)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		31.861.095.056	125.960.325.022
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(68.624.258)	(121.040.410)
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.450.606.889)	(8.817.318.656)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(884.724.657)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(168.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(44.798.727.507)	17.235.523.747
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(1.556.855.450)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	94.600.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		50.056.909	77.389.544
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		50.056.909	(1.384.865.906)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		282.646.266.220	258.777.574.607
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(242.683.076.050)	(258.078.414.606)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.657.049.343)	(412.500.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.896.996.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		36.306.140.827	(7.610.336.499)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		(8.442.529.771)	8.240.321.342
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.614.078.932	2.413.161.764
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	171.549.161	10.653.483.106

Hưng Yên, ngày 05 tháng 08 năm 2022

Đoàn Thị Bình
Người lập biểu

Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng



Hà Thị Hải Vân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, tên viết tắt là PAS (gọi tắt là “Công ty”); được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900613295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 30/08/2010 và thay đổi lần thứ 16 ngày 15/09/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 13/11/2018, ủy ban Chứng khoán Nhà nước có công văn số 7595/UBCK-GSĐC chấp thuận Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh trở thành công ty đại chúng.

Ngày 21/11/2018, Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 105/2018/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là PAS.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: 280.499.680.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2022 là 44 người (tại ngày 01/01/2022 là 48 người).

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại: buôn bán kim loại và quặng kim loại, các loại sắt thép. Gia công cơ khí và tráng phủ kim loại.

Ngành nghề kinh doanh chính là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện, vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

4.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

4.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

4.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng chưa có đầy đủ chứng từ và được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

4.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

4.13 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số thuế của kỳ hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của kỳ hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho kỳ hiện tại là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong kỳ được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	119.210.052	689.924.454
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.339.109	3.506.389.560
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	4.417.764.918
	<u>171.549.161</u>	<u>8.614.078.932</u>

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
 Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
 thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ 01/01/2022
 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	196.713.257.543	4.300.027.954	175.023.834.795	4.103.686.675
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thép Miền Nam	7.587.535.252	-	26.727.061.540	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á	55.000.000	-	1.732.092.354	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và XNK Vạn Xuân	732.647.501	-	10.662.647.501	-
- Asian Impex Ltd	25.488.863.795	-	25.488.863.795	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đại Dương	30.683.278.231	-	34.683.278.231	-
- Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản Lam Sơn	-	-	11.590.447.563	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam Thăng Long	16.364.562.361	-	22.949.225.533	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghiệp và Thương mại Việt Nam	-	-	6.256.233.709	-
- Các khách hàng khác	115.801.370.403	4.300.027.954	34.933.984.569	4.103.686.675
Dài hạn	-	-	-	-
	196.713.257.543	4.300.027.954	175.023.834.795	4.103.686.675

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
 Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phường Chi Kiên,
 thị xã Mỹ Hải, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ 01/01/2022
 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	57.471.191.601	1.735.900.000	28.595.790.691	1.735.900.000
- Global Posco Co.,Ltd	23.349.751.287	-	23.349.751.287	-
- Công ty TNHH IPS Engineering	1.660.500.000	1.660.500.000	1.660.500.000	1.660.500.000
- Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	27.224.792.183	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Tiên Phát	2.652.521.785	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.583.626.346	75.400.000	3.585.539.404	75.400.000
Dài hạn	-	-	-	-
	57.471.191.601	1.735.900.000	28.595.790.691	1.735.900.000

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	4.715.000.000	-	7.180.000	-
- Ký cược, ký quỹ	320.307.004	-	11.418.307.004	-
+ Bà Nguyễn Thị Hương	-	-	10.208.000.000	-
+ Ông Nguyễn Xuân Thu	320.307.004	-	1.040.000.000	-
+ Đối tượng khác	1.413.449.555	-	170.307.004	-
- Phải thu khác	6.448.756.559	-	11.425.487.004	-

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng				
Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thép Đại Thành Phát	2.260.582.089	-	2.260.582.089	-
+ Công ty Cổ phần TSC Hà Nội	519.868.800	-	519.868.800	-
+ Công ty TNHH Thương mại và Kim khí Minh Hiếu	460.224.740	-	460.224.740	-
+ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lâm Quan Thanh	421.548.384	-	421.548.384	-
+ Công ty Cổ phần Vật liệu Hàn Thiện Phúc	189.262.427	-	189.262.427	-
Công nợ quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm				
+ Công ty TNHH Cơ khí chính xác Tân Minh Ngọc	43.240.144	-	43.240.144	12.972.041
+ Các đối tượng khác	22.647.814	6.794.343	-	-
Công nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm				
+ Công ty Cổ phần Đức Dương Việt Nam	443.864.265	133.159.278	443.864.265	221.932.133
+ Asian Impex Ltd	25.488.863.795	25.488.863.795	25.488.863.795	25.488.863.795
+ Công ty TNHH Cơ khí Thiên Phú	102.576.224	51.288.112	-	-
+ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Công nghiệp Việt Nhật	49.999.999	24.999.999	-	-
+ Các đối tượng khác	4.909.596	2.454.796	-	-
Trả trước cho người bán				
Công nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
+ Công ty TNHH IPS Engineering	1.660.500.000	-	1.660.500.000	-
+ Công ty Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia	33.000.000	-	33.000.000	-
+ Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	22.000.000	-	22.000.000	-
+ Công ty TNHH Tư vấn quản lý và Phát triển doanh nghiệp	20.400.000	-	20.400.000	-
Công nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm				
+ Global Posco Co.,Ltd	23.349.751.287	23.349.751.287	23.349.751.287	23.349.751.287
Cộng	55.093.239.564	49.057.311.610	54.913.105.931	49.073.519.256

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
 Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
 thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ 01/01/2022
 đến 30/06/2022

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Lợi ích	Biểu quyết	30/06/2022		01/01/2022	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	Tỷ lệ				
		53.003.533.569	-	53.003.533.569	-
		53.003.533.569	-	53.003.533.569	-
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	45%	53.003.533.569	-	53.003.533.569	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh (*)

- Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long 45%

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	-	-	7.548.019.276	-
- Nguyên liệu, vật liệu	816.913.063	-	942.435.644	-
- Công cụ, dụng cụ	85.071.359	-	80.681.767	-
- Thành phẩm	2.458.934.859	-	2.131.843.376	-
- Hàng hoá	355.407.891.770	(16.822.106.594)	288.336.627.095	-
	358.768.811.051	(16.822.106.594)	299.039.607.158	-

- Hàng đang đi trên đường
 - Nguyên liệu, vật liệu
 - Công cụ, dụng cụ
 - Thành phẩm
 - Hàng hoá

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
 Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
 thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ 01/01/2022
 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dùng cụ quản lý		TSCĐ khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
01/01/2022	67.536.703.854	55.015.464.131	6.945.362.727	293.308.980	973.793.553	130.764.633.245						
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.419.410.520	-	-	-	1.419.410.520						
- Thanh lý	-	(14.850.804.792)	-	-	-	(14.850.804.792)						
30/06/2022	67.536.703.854	41.584.069.859	6.945.362.727	293.308.980	973.793.553	117.333.238.973						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
01/01/2022	19.683.883.466	42.626.506.225	5.954.444.888	293.308.980	504.310.000	69.062.453.559						
- Khấu hao trong kỳ	1.404.752.485	1.996.122.179	527.225.664	-	46.948.356	3.975.048.684						
- Thanh lý	-	(6.656.255.466)	-	-	-	(6.656.255.466)						
30/06/2022	21.088.635.951	37.966.372.938	6.481.670.552	293.308.980	551.258.356	66.381.246.777						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
01/01/2022	47.852.820.388	12.388.957.906	990.917.839	-	469.483.553	61.702.179.686						
30/06/2022	46.448.067.903	3.617.696.921	463.692.175	-	422.535.197	50.951.992.196						

Tại 30/06/2022:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 16.020.965.405 đồng (Tại ngày 01/01/2022 là: 12.529.481.860 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 46.687.552.675 đồng (Tại ngày 01/01/2022 là: 53.390.249.251 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CHO THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2022	4.860.615.825	4.860.615.825
- Thuê tài chính trong kỳ	8.194.549.343	8.194.549.343
30/06/2022	<u>13.055.165.168</u>	<u>13.055.165.168</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
01/01/2022	2.835.359.240	2.835.359.240
- Khấu hao trong kỳ	729.883.687	729.883.687
30/06/2022	<u>3.565.242.927</u>	<u>3.565.242.927</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2022	<u>2.025.256.585</u>	<u>2.025.256.585</u>
30/06/2022	<u>9.489.922.241</u>	<u>9.489.922.241</u>

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	56.654.844.987	-	-	56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất	56.654.844.987	-	-	56.654.844.987
+ Quyền sử dụng đất thừa đất số 197 Đà Nẵng (1)	25.073.061.987	-	-	25.073.061.987
+ Quyền sử dụng đất thừa đất số 99 Đà Nẵng (2)	31.581.783.000	-	-	31.581.783.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	56.654.844.987	-	-	56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất	56.654.844.987	-	-	56.654.844.987

(1) Là quyền sử dụng thừa đất số 18 tờ bản đồ số 758 (Nay là thửa đất số 197 tờ bản đồ số 79) tại Lô B7 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2020. Diện tích: 1052,2 m². Mục đích sử dụng: Đất ở kết hợp thương mại, dịch vụ, du lịch. Thời hạn sử dụng: lâu dài.

(2) Là quyền sử dụng thừa đất số 2 tờ bản đồ số A2-1 (Nay là thửa đất số 99 tờ bản đồ số 61) tại Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Ngọc Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, số vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011. Diện tích: 2002,9 m². Mục đích sử dụng: Đất tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng. Thời hạn sử dụng: lâu dài.

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	140.550.349.144	140.550.349.144	107.056.544.423	107.056.544.423
- Công ty TNHH Marubeni Itochu Steel Việt Nam	29.649.547.788	29.649.547.788	29.419.096.164	29.419.096.164
- Công ty Cổ phần Everland Phú Yên	37.946.486.013	37.946.486.013	57.842.537.221	57.842.537.221
- Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	-	-	7.583.521.361	7.583.521.361
- Công ty TNHH Phúc Viên Xuân	-	-	4.695.261.812	4.695.261.812
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Đài Bay	31.730.134.538	31.730.134.538	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư BĐS Thăng Long	14.364.449.854	14.364.449.854	-	-
- Các đối tượng khác	26.859.730.951	26.859.730.951	7.516.127.865	7.516.127.865
Dài hạn	-	-	-	-
	140.550.349.144	140.550.349.144	107.056.544.423	107.056.544.423

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phường Chi Kiên,
thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	13.825.737.014	4.784.175.458	1.773.008.082	16.836.904.390
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	405.641.399	405.641.399	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.694.676.884	2.485.373.646	-	15.180.050.530
- Thuế thu nhập cá nhân	407.774.825	854.000	-	408.628.825
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	287.128.800	625.630.600	223.550.280	689.209.120
- Lệ phí môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
- Các loại thuế khác	436.156.505	1.262.675.813	1.139.816.403	559.015.915
Phải thu	56.966.665	203.928.570	203.928.570	56.966.665
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	23.829.364	-	-	23.829.364
- Thuế xuất, nhập khẩu	33.137.301	203.928.570	203.928.570	33.137.301

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phường Chi Kiên,
thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	245.340.204.795	245.340.204.795	276.514.216.877	243.095.576.050	211.921.563.968	211.921.563.968
Vay ngắn hạn	242.865.204.795	242.865.204.795	274.451.716.877	242.683.076.050	211.096.563.968	211.096.563.968
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Hà Nội (1)	117.019.001.513	117.019.001.513	108.298.581.984	111.236.856.058	119.957.275.587	119.957.275.587
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Vĩnh Phúc (2)	115.446.203.282	115.446.203.282	130.244.283.822	105.937.368.921	91.139.288.381	91.139.288.381
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	25.508.851.071	25.508.851.071	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	10.400.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000	-	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	2.475.000.000	2.475.000.000	2.062.500.000	412.500.000	825.000.000	825.000.000
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP	2.475.000.000	2.475.000.000	2.062.500.000	412.500.000	825.000.000	825.000.000
Ngoại thương Việt Nam (4)	3.506.250.000	3.506.250.000	8.194.549.343	5.307.049.343	618.750.000	618.750.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	3.506.250.000	3.506.250.000	8.194.549.343	5.307.049.343	618.750.000	618.750.000
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP	3.506.250.000	3.506.250.000	8.194.549.343	5.307.049.343	618.750.000	618.750.000
Ngoại thương Việt Nam (4)	248.846.454.795	248.846.454.795	284.708.766.220	248.402.625.393	212.540.313.968	212.540.313.968

- (1) Hợp đồng tín dụng số HDTD1002021313 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều kiện chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bỏ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn của hợp đồng: 1 năm kể từ ngày 17/12/2021 đến 16/12/2022;
 - Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước vay nợ;

Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:

- Bất động sản thửa đất số 99, tờ bản đồ số 61, địa chỉ tại Tổ hợp Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê, Nhà ở cao tầng và Biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 992090; số vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011.

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17.

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Các hạng mục công trình thuộc nhà máy gia công Inox Thành Nam tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07, địa chỉ xã Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 561470; số vào sổ cấp GCN: CT 00471 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 18/11/2011.
 - Các khoản thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên.
 - Xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, biển kiểm soát: 89C-079.56 mang tên Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hợp đồng thế chấp số 237/2017/HĐTC/CNHàNoi ngày 13/10/2017
 - Sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi, Bất động sản, ô tô thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 26/2022/HĐHM-PN/SHB.112500 ngày 18/02/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 158.000.000.000 VNĐ;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép các loại;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:
- Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội (nay là phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội) theo GCN quyền sử dụng đất số Đ 314551, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 01051/QSDĐ/753/QĐ-UBND do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 23/04/2004.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô A15 đường Vũ Ngọc Nha, Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Thửa đất số: 154 theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác với đất số CE 722381, số vào sổ cấp GCN: CTs 113946 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/11/2016.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô A18 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Thửa đất số: 6 theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645829, số vào sổ cấp GCN: CT01732 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô A17 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Thửa đất số: theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645828, số vào sổ cấp GCN: CT01731 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
 - Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô con nhãn hiệu HINO, số loại: FL&JTSL, màu sơn: Trắng, số khung: RNJFL&JTSFXX17213, số máy: J08EUF17309, số chỗ ngồi: 03, năm sản xuất: 2015, biển số đăng ký: 89H-008.74 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 89 004599 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 01/06/2021 cho Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô con, nhãn hiệu: JAGUAR, số loại: FTYPER, màu sơn: Đỏ, số khung: 67E8GMK24286, số máy: 2321394508PS, số chỗ ngồi: 02, Biển số đăng ký: 51F-736.41, theo đăng ký xe ô tô số 187740 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/07/2016, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2016.
 - Quyền sử dụng đất tại phường Mỹ Định 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 940241, số Quyết định: 7222/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH03082 do UBND huyện Từ Liêm (cũ), thành phố Hà Nội cấp ngày 04/11/2013
 - Căn hộ chung cư số 1402A, diện tích: 159m² theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 960461, số QĐ: 1847/QĐ-UBND, số cấp vào sổ GCN: CH00418 do UBND quận Nam Từ Liêm thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2014.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô A16 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645827, số vào sổ cấp GCN: CT01729 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô B4.1-5, Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà – Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645940, số vào sổ cấp GCN: CT01829 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010.
 - Quyền sử dụng đất tại Lô B4.3-18, Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà – Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645933, số vào sổ cấp GCN: CT01787 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010.
 - Bất động sản tại TT4.11, khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Ngân hàng BIDV) theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 410567, số vào sổ cấp GCN: CS 59399 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/10/2021.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 18925.22.070.7325030.TD ngày 28/04/2022 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VNĐ;
 - Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép, inox (Không bao gồm thép phế liệu);
 - Thời hạn hợp đồng: Từ 28/04/2022 đến 25/04/2023;
 - Lãi suất cho vay: theo văn bản nhận nợ với Ngân hàng MB;
Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:
 - Quyền sử dụng đất gắn liền trên đất là công trình Nhà kho tại địa chỉ xã Phùng Chí Kiên – huyện Mỹ Hào – tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo GCN quyền sử dụng đất số BD561470 do UBND Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 18/11/2011.

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH
Tổ dân phố Từ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (4) Hợp đồng thuê tài chính số 39.19.03/CTTC ngày 29/8/2019 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Loại tài sản: Máy xén quay MINI ROTARY SHEAR MACHINE 2.0(2.3)t x 600w x 5ton, nhãn hiệu AMADA, xuất xứ Nhật Bản, sản xuất năm 2010, chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo.
 - Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Tổng giá trị tài sản: 5.346.677.408 VNĐ đã bao gồm VAT, số tiền trả trước 2.046.677.408 VNĐ;
 - Tổng giá trị nợ gốc: 3.300.000.000 VNĐ;
 - Thời hạn thuê: 48 tháng;
 - Lãi suất cho thuê: Áp dụng cụ thể tại thời điểm giải ngân;
 - Số dư nợ gốc còn phải trả: 1.031.250.000 VNĐ;

- Hợp đồng thuê tài chính số 196.22.04/CTTC ngày 13/06/2022 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Loại tài sản: Máy cắt xén thép cuộn điều khiển số, gia công thép, Model: PI – 2008, hiệu Pilot, xuất xứ Hàn Quốc, tình trạng đã qua sử dụng;
 - Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp;
 - Tổng giá trị tài sản: 8.850.113.290 VNĐ đã bao gồm VAT, số tiền trả trước 3.900.113.290 VNĐ;
 - Tổng giá trị nợ gốc: 4.950.000.000 VNĐ;
 - Thời hạn thuê: 48 tháng;
 - Lãi suất cho thuê: Áp dụng cụ thể tại thời điểm giải ngân;
 - Số dư nợ gốc còn phải trả: 4.950.000.000 VNĐ.

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHTổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	255.000.000.000	-	71.912.831.223	326.912.831.223
- Tăng vốn trong năm	25.499.680.000	-	-	25.499.680.000
- Lãi trong năm	-	-	61.731.208.875	61.731.208.875
- Phân phối lợi nhuận	-	556.025.698	(53.973.380.168)	(53.417.354.470)
31/12/2021	280.499.680.000	556.025.698	79.670.659.930	360.726.365.628
01/01/2022	280.499.680.000	556.025.698	79.670.659.930	360.726.365.628
- Lãi trong kỳ	-	-	6.239.758.724	6.239.758.724
- Giảm khác	-	-	(66.000.000)	(66.000.000)
30/06/2022	280.499.680.000	556.025.698	85.844.418.654	366.900.124.352

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Vốn góp đầu kỳ	280.499.680.000	280.499.680.000
- Vốn góp cuối kỳ	280.499.680.000	280.499.680.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7.896.996.500

18.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2022	01/01/2022
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đã được đăng ký phát hành	28.049.968	28.049.968
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra	28.049.968	28.049.968
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.049.968	28.049.968
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.049.968	28.049.968
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.049.968	28.049.968
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)		

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Tổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- USD	1.431,20	1.445
- JPY	-	4.816.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	506.104.929.522	586.284.863.149
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.225.299.821	3.559.528.416
- Doanh thu khác	2.416.860.891	271.909.092
	<u>512.747.090.234</u>	<u>590.116.300.657</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm	483.019.967.003	555.828.984.103
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.511.623.365	3.842.502.594
	<u>489.531.590.368</u>	<u>559.671.486.697</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.056.909	77.389.544
	<u>50.056.909</u>	<u>77.389.544</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Chi phí lãi vay	10.516.986.290	8.710.173.604
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	434.906.297
- Chi phí tài chính khác	106.439.642	-
	<u>10.623.425.932</u>	<u>9.145.079.901</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	2.647.654.687	3.757.880.931
- Nguyên vật liệu	795.000	12.977.636
- Chi phí công cụ dụng cụ	22.165.629	482.038.275
- Nhân viên quản lý	710.475.000	629.838.000
- Khấu hao tài sản cố định	343.789.083	552.276.600
- Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	196.341.279	506.798.029
- Thuế, phí, lệ phí	16.090.545	761.861.634
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.431.847	807.004.757
- Chi phí quản lý khác	1.180.566.304	5.086.000
Các khoản chi phí bán hàng	941.682.419	893.985.189
- Nguyên vật liệu	25.069	90.205.997
- Chi phí công cụ dụng cụ	-	160.612.631
- Chi phí nhân công	350.907.000	355.294.000
- Khấu hao tài sản cố định	258.495.312	235.021.134
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.623.006	52.851.427
- Chi phí bán hàng khác	237.632.032	-
	3.589.337.106	4.651.866.120

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.239.758.724	12.805.399.506
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28.049.968	27.284.978
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	222	469

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	49.932.910.637	2.019.320.000
Chi phí nhân công	2.057.444.125	61.074.951.502
Khấu hao tài sản cố định	4.704.932.371	4.942.458.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.809.130.286	1.123.248.545
Chi phí bằng tiền khác	230.629.550	766.947.634
Dự phòng phải thu khó đòi	196.341.279	506.798.029
	58.931.388.248	70.433.724.106

CÔNG TY CP QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHTổ dân phố Tứ Mỹ, phường Phùng Chí Kiên,
thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Thu nhập của thành viên Ban điều hành**

Chức vụ	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	294.597.000	350.354.000
- Bà Hà Thị Hải Vân	30.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	126.744.000	84.387.000
- Ông Trần Duy Cường	85.855.000	71.565.000
- Lưu Thị Thu Thùy	51.998.000	-
- Ông Lê Quyết Thắng	-	32.434.000
- Bà Vũ Lan Phương	-	77.347.000
- Ông Nguyễn Văn Kiên	-	84.621.000
Ban Kiểm soát	51.883.000	140.024.000
- Bà Đào Thị Thu Hường	-	54.387.000
- Bà Hà Thị An	47.883.000	43.064.000
- Bà Nguyễn Thị Thúy	-	42.573.000
- Bà Lê Thị Nga	2.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	2.000.000	-

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2022



Đoàn Thị Bình
Người lập biểu



Trần Thị Hồng Khang
Kế toán trưởng




Hà Thị Hải Vân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị